

Máy nhận xét về nhân khẩu và lao động của nông hộ người Kinh tại vùng châu thổ Thái Bình và vùng núi Điện Biên, Lai Châu

NGÔ THỊ CHÍNH

Cơ cấu nhân khẩu, lao động là một trong những vấn đề được quan tâm nghiên cứu nhằm điều hành và quản lý chúng trong mối quan hệ với việc phát triển kinh tế, quản lý nhân khẩu, lao động, kế hoạch hóa sự phát triển dân số v.v... Bài viết này bước đầu tiếp cận vấn đề nhân khẩu và lao động của người nông dân ở hai địa bàn khác nhau về môi trường tự nhiên: địa bàn thứ nhất là một xã thuộc vùng châu thổ đồng bằng Bắc Bộ - xã Cộng Hòa (huyện Hưng Hà tỉnh Thái Bình). Địa bàn thứ hai thuộc vùng núi Tây Bắc - xã Thanh Luông (huyện Điện Biên, tỉnh Lai Châu).

Các số liệu sử dụng trong bài dựa vào các nguồn tài liệu của Ủy ban Nhân dân hai xã Thanh Luông, Cộng Hòa và tài liệu thực địa thu thập tại hai xã này trong năm 1999. Ở xã Cộng Hòa chúng tôi điều tra chủ yếu tại hai thôn Hiệu Vũ và Thọ Khê; ở xã Thanh Luông chúng tôi điều tra chủ yếu tại thôn Cộng Hòa - là nơi tập trung người Kinh di cư từ xã Cộng Hòa, huyện Hưng Hà, Thái Bình (Cũng chính vì thế mà thôn này có tên là Cộng Hòa).

1. Sự khác biệt giữa các nông hộ.

Sự khác biệt được khảo sát theo tương quan giữa nguồn sống với lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp của các thành viên cũng như quy mô nhân khẩu, cách sử dụng lao động của các nông hộ.

Sự khác biệt về nguồn sống

Nguồn sống ở đây mới chỉ phân theo khu vực kinh tế, chưa có đủ khối lượng số liệu để phân theo ngành kinh tế. Nguồn sống được chia ra theo nông nghiệp và phi nông nghiệp. Sự khác biệt này được thể hiện trong bảng dưới đây.

Bảng 1: Cơ cấu hộ theo nguồn sống (%)

Tên xã	Nguồn sống	
	Nông nghiệp	Nông nghiệp và phi nông nghiệp
Thanh Luông	42	58
Cộng Hòa	22	78

Số liệu trên cho thấy ở cả hai địa phương tỷ lệ hộ thuần nông không quá bán. Số hộ dựa vào nông nghiệp kết hợp phi nông nghiệp đã chiếm tới 78% tại xã Cộng Hòa. Tỷ trọng hộ thuần nông ở các địa phương còn dựa chính vào nông nghiệp khiến ta phải xem xét tỷ trọng lao động nông nghiệp ở hai nơi này. Số liệu ở bảng 2 cho thấy được sự phân bố lao động ở hai xã.

Bảng 2: Phân bố lao động của hộ theo các lĩnh vực hoạt động (%)

Tên xã		Nông nghiệp	Phi nông nghiệp	Nông nghiệp và phi nông nghiệp	Hưu	Đi học	Tổng số
Thanh Luông	Tỷ trọng	66	2	17	3	12	100
	Nữ	51	50	42	33	46	50
Cộng Hòa	Tỷ trọng	52	14	18	6	10	100
	Nữ	63	8	48	10	41	47

Hoạt động phi nông nghiệp được nêu ở đây bao gồm ngành nghề (buôn bán, dịch vụ các loại, tiểu thủ công nghiệp), cán bộ ở cơ sở có thu nhập cố định (cán bộ xã, thôn, cán bộ tín dụng...). Sự phân bố lao động theo các lĩnh vực hoạt động được khảo sát trong bảng 2 cho thấy: Tuy tỷ số hộ thuần nông ở hai nơi thấp, nhưng lao động thuần nông lại chiếm đa số - 52% tại Cộng Hòa và 66% ở Thanh Luông. Tỷ trọng lao động nông nghiệp nêu trên cho thấy nông nghiệp vẫn là nguồn sống cơ bản của người dân ở hai địa phương này.

Mặc dù không có loại hộ phi nông nghiệp, nhưng lao động phi nông nghiệp tại Cộng Hòa tới 14%. Điều này cho thấy xu hướng tách khỏi nông nghiệp của lao động ở dưới xuôi đã hình thành và mạnh hơn ở Thanh Luông. Số lao động phi nông nghiệp này chủ yếu làm ăn xa quê, khác với ở Thanh Luông chỉ hoạt động ngay tại xã. Nhưng tỷ trọng lao động nông nghiệp kiêm phi nông nghiệp ở cả hai xã lại xấp xỉ nhau: 17% tại Thanh Luông và 18% tại Cộng Hòa. Địa bàn hoạt động của lao động phi nông nghiệp ở hai xã đã khiến tỷ lệ nữ làm nông nghiệp ở mỗi nơi khác nhau: tại xã Cộng Hòa tỷ lệ này tới 63%, trong khi ở Thanh Luông chiếm 51%. Do làm xa quê nên tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nữ tại xã Cộng Hòa chỉ chiếm 8% - một tỷ lệ quá khiêm tốn. Song, tỷ lệ nữ trong lao động nông nghiệp kiêm phi nông nghiệp ở cả hai nơi lại không nhỏ: từ 42% tại Thanh Luông tới 48% tại Cộng Hòa.

Tỷ lệ học sinh so với dân số trong và trên độ tuổi lao động (từ 15 tuổi trở lên) nhìn qua tưởng nhỏ (10% tại Cộng Hòa và 12% tại Thanh Luông), nhưng nếu xét tỷ trọng độ tuổi 15-19 tuổi trong tháp dân số nói chung chỉ khoảng 9-10%, sẽ thấy tỷ lệ đi học này cao. Tại xã Cộng Hòa, nơi có số lao động phi nông nghiệp cao, tỷ lệ học sinh nữ lại thấp hơn xã có số lao động phi nông nghiệp thấp như Thanh Luông. Tỷ lệ này cho thấy sự phát triển của trẻ em nam tại xã Cộng Hòa được chú trọng hơn, được ưu tiên đầu tư hơn so với trẻ em gái. Tỷ trọng nữ trong lao động phi nông nghiệp và hưu trí tại Cộng Hòa thấp cũng cho thấy định hướng thoát ly cho phụ nữ ở đây yếu. Có thể điều này cũng có ảnh hưởng tới việc đi học của trẻ em gái ở đây.

Sự khác biệt về nhân khẩu giữa các hộ cùng nguồn sống

Khảo sát nhằm tìm hiểu tác động của nguồn sống tới quy mô nhân khẩu của các hộ. Số nhân khẩu được phân chia theo ba quy mô sau: 2 nhân khẩu, 3-4 và 5-8 nhân khẩu. Tỷ trọng hộ được xác định theo quy mô nhân khẩu và theo nguồn sống.

Nhìn vào số liệu ở bảng 3 cho thấy: tại Thanh Luông loại hộ 5-8 nhân khẩu chiếm đa số (61%). Còn ở xã Cộng Hòa, loại hộ 5-8 nhân khẩu chiếm tỷ trọng nhỏ

hơn loại hộ 3 - 4 nhân khẩu (45% so với 47%). Đồng thời, ở đây còn có loại hộ 2 nhân khẩu với tỷ trọng tới 8%. Bức tranh nhân khẩu của các hộ bị chi phối bởi nguồn sống ở hai nơi: tại Thanh Luông, hộ thuần nông chiếm tới 42%, ngược lại ở xã Cộng Hòa, hộ dựa vào nông nghiệp và phi nông nghiệp lại hơn hẳn hộ thuần nông (72% so với 22%). Điều này cho thấy số hộ đông người tỷ lệ thuận với tỷ trọng hộ thuần nông. Nhưng nhìn vào cơ cấu nhân khẩu của các hộ sống bằng nông nghiệp kiêm phi nông nghiệp càng thấy loại hộ 5 - 8 nhân khẩu chiếm tỷ trọng lớn nhất; 32% trong 58% hộ nông nghiệp kết hợp phi nông nghiệp ở Thanh Luông, 37% trên 78% ở xã Cộng Hòa.

Bảng 3: Tỷ trọng hộ theo nhân khẩu và nguồn sống (%)

Nhân khẩu	Thanh Luông			Cộng Hòa		
	Nông nghiệp	Nông nghiệp và phi nông nghiệp	Tổng số	Nông nghiệp	Nông nghiệp và phi nông nghiệp	Tổng số
2	0,00	0,00	0,00	2	6	8
3 - 4	13	26	39	12	35	47
5 - 8	29	32	61	8	37	45
Tổng cộng	42	58	100	22	78	100

Những số liệu được nhận ra ở trên phải chứng tỏ: trong điều kiện kinh tế, kỹ thuật và hoạt động như của hai địa điểm được khảo sát, hộ có quy mô nhân khẩu đông cho hiệu quả sản xuất cao?

Sự khác biệt về tuổi

Sự khác biệt về tuổi của nhân khẩu các hộ được khảo sát theo độ tuổi lao động: trong độ tuổi, dưới độ tuổi và trên độ tuổi.¹ Độ tuổi này được khảo sát theo cơ cấu chung và theo nguồn sống của hộ. Bảng 4 dưới đây sẽ cho thấy cơ cấu tuổi của dân số hai địa phương và của nhân khẩu thuộc các loại hộ có nguồn sống khác nhau.

Số liệu trong bảng 4 đã cho thấy tỷ lệ dân số dưới 15 tuổi của cả hai địa phương đều lớn: từ 21,7% - 31,2%. Tỷ lệ này chứng tỏ dân số ở đây rất trẻ.

Bảng 4. Cơ cấu tuổi của các hộ (%)

Loại hộ	Tuổi		
	Dưới độ tuổi lao động	Trong độ tuổi lao động	Trên tuổi lao động
Thanh Luông			
Trung bình	31,2	62,4	6,40
Nông nghiệp	30	64	6,0
Nông nghiệp và phi nông nghiệp	32	61	7,0
Cộng Hòa			
Trung bình	21,7	66,5	11,8
Nông nghiệp	24	60	16
Nông nghiệp và phi nông nghiệp	21	68	11

¹ Lao động trong độ tuổi được qui định từ trên 15-55 tuổi đối với phụ nữ và trên 15-60 tuổi đối với nam giới.

Tại Thanh Luông, tỷ lệ dân số dưới tuổi lao động lớn hơn so với mức trung bình ở loại hộ nông nghiệp kết hợp phi nông nghiệp. Phải chăng đây là quá độ giữa các bước chuyển đổi mức sống và chuyển dịch kinh tế của nông hộ ở Thanh Luông. Tại xã Cộng Hòa, tỷ lệ dân số trẻ cao hơn cả ở loại hộ thuần nông. Tỷ lệ dân số trên tuổi lao động cao nhất ở loại hộ kết hợp nông nghiệp với phi nông nghiệp ở cả hai xã. Sự trùng hợp vừa nêu ở hai địa phương cách xa nhau và khác nhau về không gian tự nhiên và xã hội khiến ta không khỏi giả định về ảnh hưởng của lớp người lớn tuổi tới sự thay đổi cơ cấu kinh tế của nông hộ. Nếu quả đúng như vậy, hạn chế của hộ trẻ không phải do thiếu năng động, mà do thiếu vốn.

2. Quan hệ lao động

Quan hệ này bao gồm quan hệ giữa các thành viên trong nông hộ, giữa các nông hộ với nhau và giữa người lao động với thị trường sức lao động. Ở đây, quan hệ lao động trong gia đình bị chi phối bởi quan hệ lao động ngoài nông hộ.

Quan hệ lao động phi nông nghiệp

Về cơ cấu lao động tại xã Cộng Hòa, số lao động phi nông nghiệp chiếm tới 14% (xem bảng 2). Đa số họ rời làng đi làm thợ ở nơi xa. Một phần nhỏ còn lại làm dịch vụ hoặc buôn bán ngay tại xã. Chính những người phi nông nghiệp này cộng với 18% lao động phi nông nghiệp kết hợp làm ruộng ngay tại xã đã tạo ra sự thay đổi trong nông nghiệp của xã Cộng Hòa: thu nhập từ những nghề này cộng với từ chăn nuôi và từ vườn nhà đã khiến người ta bỏ vụ đông ở nội đồng. Việc làm hai vụ đã làm tăng thời gian nông nhàn và giảm sự khẩn trương trong lúc thời vụ, giảm nhịp độ nông nghiệp hơn những năm 70 và 80 khi người ta phải dốc sức vào quay vòng đất.

Sự tác động và ảnh hưởng này sẽ được thấy rõ qua quan hệ lao động trong trồng lúa của hộ, sẽ được trình bày dưới đây.

Tại xã Thanh Luông lao động phi nông nghiệp (2% số lao động được điều tra) và lao động phi nông nghiệp kết hợp với nông nghiệp đều hoạt động ngay tại địa phương, không rời làng như ở Cộng Hòa. Những người này đều trực tiếp, hoặc gián tiếp gắn chặt với nông nghiệp như xay sát gạo, làm đất bằng máy, vận chuyển hoặc chế biến thực phẩm (đậu phụ, bún, giò chả) phục vụ đời sống tại làng. Sự hình thành của họ do nhu cầu thâm canh tăng vụ và nhu cầu kỹ thuật làm đất để gieo sạ, cũng như do tỷ suất nông sản hàng hóa như đã phân tích ở trên.

Vai trò của những người hoạt động phi nông nghiệp phục vụ nông nghiệp có thể thấy rõ trong quan hệ lao động của hộ trong trồng lúa mà ở dưới sẽ giới thiệu.

Quan hệ lao động giữa các hộ trong trồng lúa.

Quan hệ này thể hiện trong các công việc như làm đất, gieo cấy lúa, chăm sóc và thu hoạch, được thực hiện bằng lao động của gia đình tự làm hoặc bằng thuê mướn, hoặc đổi công. Bảng 5 sẽ giới thiệu các quan hệ lao động này tại 2 xã Cộng Hòa và Thanh Luông.

Nhìn vào phần tổng hợp các quan hệ lao động của nông hộ cho thấy gia đình

tự làm hầu hết các công việc. Người Thái Bình ở xã Cộng Hòa tự làm và đổi công nhiều hơn ở Thanh Luông; ngược lại, người Thái Bình tại Thanh Luông thuê làm nhiều hơn người ở quê cũ.

Bảng 5: Quan hệ lao động của hộ trong các công việc trồng lúa.

Công việc	Xã Thanh Luông					Xã Cộng Hòa				
	Tự làm	Thuê	Đổi công	Tự làm và thuê	Tự làm và đổi công	Tự làm	Thuê	Đổi công	Tự làm và thuê	Tự làm và đổi công
Cuốc ruộng						29	6			
Cày bừa	23	3		73		41	51	4	2	2
Gieo cấy lúa	100					80			2	18
Chở phân chuồng	60	40				88		4	2	6
Bón phân chuồng	93	7				88		4	2	6
Bón phân hóa học	97	3				98				2
Làm cỏ	97	3				94				6
Phun thuốc sâu	97	3				84	4	4		6
Thu hoạch										
Gặt	80			3	17	76		4		20
Chở lúa	40	60				84	4	4	2	6
Tuốt lúa	30	63			7	86	8	2		4
Phơi quạt lúa	100					100				
Trung bình	76	16		6	2	84	6	2	1	7

Nhìn theo các công việc có thể thấy: ở cả hai địa phương các việc được thuê nhiều gồm cày bừa, chở phân, trồng và thu hoạch lúa. Riêng tại Thanh Luông, việc tuốt lúa được thuê nhiều nhất. Tại đây, việc cày bừa ở 73% số hộ do máy làm thuê, nhưng sau đó, gia đình nào cũng phải tự đánh ống, trang phẳng ruộng bằng trâu, chứ không hoàn toàn do máy làm như tuốt lúa. Những công việc còn lại chủ yếu do lao động của nông hộ tự làm hoặc vừa tự làm vừa đổi công với hộ khác. Những công việc đổi công nhiều nhất ở cả hai nơi là gặt (20% số hộ tại Thanh Luông và 24% tại xã Cộng Hòa). Riêng tại xã Cộng Hòa, do phải cấy lúa nên đổi công trong khâu này khá cao: 18% số hộ được điều tra phải đổi công.

Cũng tại xã Cộng Hòa do chỉ làm hai vụ chính ở nội đồng và do hầu hết các hộ ở nội đồng không nuôi trâu bò, người ta đã tự cuốc ruộng thay cày: 36% số hộ được điều tra cuốc ruộng làm vụ chiêm- xuân thay cày. Nếu chỉ tính riêng các hộ nội đồng, tới 89% hộ cuốc đất thay cày.

Từ quan hệ lao động giữa các hộ ở hai địa phương có thể rút ra nhận xét: quan hệ thuê mướn lao động hay tự làm và đổi công phụ thuộc vào tính chất thời vụ là chính, không hoàn toàn do cơ cấu ngành nghề của lao động quy định.

Đi sâu vào từng loại hình hộ có thể thấy quan hệ lao động giữa chúng có sự khác biệt.

Bảng 6: Quan hệ lao động giữa các hộ có nguồn sống và nhân khẩu khác nhau (%)

Loại hộ	Tự làm	Thuê	Đổi công	Tự làm và thuê	Tự làm và đổi công	Tổng số
Xã Thanh Luông						
Nông nghiệp	81	11		6	2	100
Nông nghiệp và phi nông nghiệp	73	17		7	3	100
3 - 4 nhân khẩu	72	15		9	4	100
5-8 nhân khẩu	78	16		5	1	100
Trung bình	76	16		6	2	100
Xã Cộng Hòa						
Nông nghiệp	87	2			11	100
Nông nghiệp và phi nông nghiệp	79	10	3	1	7	100
2 nhân khẩu	67	8	10		15	100
3 - 4 nhân khẩu	71	8	4	2	15	100
5-8 nhân khẩu	88	7	2	1	2	100
Trung bình	84	6	2	1	7	100

Qua bảng trên thấy rõ những hộ thuần nông tự làm và đổi công nhiều hơn hộ nông nghiệp kết hợp phi nông nghiệp. Nhưng tại xã Cộng Hòa, chỉ có 10% hộ nông nghiệp kết hợp phi nông nghiệp thuê làm, còn lại tới 90% tự làm hoặc đổi công. Trong khi ở Thanh Luông 24% loại hộ này thuê làm công việc đồng áng.

Liên hệ bảng này với bảng 5 có thể rút ra nhận xét: sự thuê mướn lao động trong trồng trọt chỉ phụ thuộc một phần vào sự chuyên hóa lao động trong hộ, một phần do tính khẩn trương của thời vụ và nhu cầu kỹ thuật của canh tác quy định.

Xét theo quy mô nhân khẩu, loại hộ 5-8 người tự làm các công việc đồng áng nhiều nhất, và hộ ít nhân khẩu nhất (hộ hai người) ít có khả năng tự làm nhất và phải đổi công hoặc thuê nhiều nhất. Hiện tượng này không chỉ có ở xã Cộng Hòa, mà có cả ở Thanh Luông.

Qua thực tế sử dụng lao động ở hai xã có thể thấy: trong điều kiện canh tác truyền thống, ruộng đất ít, thị trường lao động nông nghiệp yếu, hệ số sử dụng đất không quá hai lần, kinh tế lại mang tính chất tự cấp tự túc như ở châu thổ sông Hồng trước đây, nông hộ cần đông nhân khẩu và lao động mới thực hiện tốt các công việc nhà nông của mình được.

Sử dụng lao động trong nông hộ

Nét chung trong sử dụng lao động theo tuổi tại hai xã là những người ngoài độ tuổi lao động đều tham gia nhiều công đoạn sản xuất, từ các việc cày bừa, làm cỏ đến gặt và phơi, quạt lúa. Nhưng tại Thanh Luông, tỷ số lao động ngoài độ tuổi làm việc nhà nông không đáng kể: chỉ 2,58%; trong khi đó ở xã Cộng Hòa, tỷ lệ này tới 12,4%.

Các công việc do những người ngoài tuổi lao động tham gia thực hiện thường là: cày bừa, cấy lúa, làm cỏ, bón phân hóa học, gặt, tuốt lúa và phơi quạt lúa. Đây là những công việc đòi hỏi kỹ thuật (cày bừa, cấy lúa) hoặc đòi hỏi phải xong nhanh

(như gặt), cần thu hút nhiều người.

Sự khác biệt trong việc sử dụng lao động ngoài độ tuổi có thể do cơ cấu tuổi của lao động ở hai địa phương: tại Thanh Luông, tỷ lệ lao động dưới tuổi lớn hơn xã Cộng Hòa (Bảng 4: 31,2% so 21,7%), ngược lại tỷ lệ lao động trên độ tuổi tại Cộng Hòa cao hơn ở Thanh Luông (11,8% so 6,4%).

Sự khác biệt này còn do mức độ tự làm và thuê mướn nhân công cũng như quan hệ đối công ở từng địa phương quy định: tại Thanh Luông việc thuê mướn người và sử dụng máy nông nghiệp nhiều hơn tại xã Cộng Hòa. Còn tại xã Cộng Hòa, việc sử dụng lao động thủ công nhiều hơn, thậm chí cả cuốc ruộng, do đó việc tự làm và đối công nhiều hơn, khiến lao động được tận dụng tối đa.

Bảng 7: Sử dụng lao động nữ trong trồng lúa của nông hộ (%)

Công việc	Xã Thanh Luông		Xã Cộng Hòa	
	% lao động nữ	% hộ sử dụng lao động nữ	% lao động nữ	% hộ sử dụng lao động nữ
Làm đất				
Cuốc ruộng			66	36
Cày bừa	8	6	5	5
Gieo cấy lúa	69	84	64	100
Bón phân				
Chở phân	28	23	44	50
Bón phân chuồng	31	42	74	72
Bón phân hóa học	53	58	100	100
Làm cỏ	58	94	91	98
Phun thuốc sâu	6	6	44	45
Thu hoạch				
Gặt lúa	43	84	59	98
Chở lúa	35	19	36	100
Tuốt lúa	54	45	45	61
Phơi quạt lúa	54	97	63	92
Trung bình	43	49	58	77

Nhìn vào bảng trên thấy rõ tất cả các khâu trồng lúa đều có lao động nữ tham gia, nhưng tùy việc mà tỷ lệ nhiều ít khác nhau trong tổng số lao động và tổng số hộ. Chính vì vậy, tỷ số trung bình của các hộ có sử dụng lao động nữ tại Thanh Luông chỉ 49% và tại xã Cộng Hòa chỉ 77%, không phải 100% (bảng 7, dòng cuối cùng); Lao động nữ làm các việc trong trồng lúa trung bình của các hộ chỉ 43% tại Thanh Luông và 58% tại Cộng Hòa (bảng 7, dòng cuối cùng). Sự khác nhau về sử dụng lao động nữ trong việc trồng lúa ở hai xã, một phần do phân công lao động tự nhiên theo giới tính, do phòng tránh những bệnh do công việc gây ra cho phụ nữ, một phần do mức độ thuê mướn nhân công và do tỷ lệ lao động nữ trong tổng số lao động thuần nông của mỗi địa phương.

Thuộc nguyên nhân thứ nhất là các công việc cày bừa, gieo cấy.

Thuộc nguyên nhân thứ hai là tại xã Thanh Luông phụ nữ ít phun thuốc sâu và thuốc diệt cỏ vì họ sợ các thuốc này gây ra bệnh vô sinh. Nhưng tại xã Cộng Hòa, 45% số hộ được điều tra có phụ nữ phun thuốc sâu. Cũng có thể do ở Thanh Luông lượng thuốc sâu và thuốc diệt cỏ được sử dụng nhiều hơn.

Nguyên nhân thứ ba có thể thấy qua tỷ lệ hộ có sử dụng lao động nữ và tỷ số lao động nữ trong các công việc như chở phân, chở lúa và tuốt lúa: tại Thanh Luông, những việc này được thuê mướn nhiều, trong khi tại xã Cộng Hòa lại chủ yếu tự làm (xem bảng 5).

Nguyên nhân thứ tư trong số bốn nguyên nhân vừa nêu ở trên có thể thấy khi liên hệ với bảng 2 về cơ cấu lao động theo nghề nghiệp ở hai địa phương: tại xã Cộng Hòa tỷ lệ lao động nữ làm ruộng tới 63%. Trong điều kiện chưa xác định được việc sử dụng lao động nữ theo số ngày công ở đây chưa cho phép xác lập vai trò của giới trong phân công và quan hệ lao động của nông hộ một cách xác đáng.

Nhận xét

Những điều kiện đất đai và môi trường khác nhau đã chi phối khác nhau tới lao động và việc làm của người Thái Bình ở châu thổ và ở vùng núi Điện Biên: tại châu thổ, số người sống bằng các hoạt động lao động phi nông nghiệp và phi nông nghiệp kiêm nông nghiệp cao hơn ở Điện Biên.

Quy mô nhân khẩu của hộ ở hai nơi cũng khác nhau: tại Thanh Luông (Điện Biên) loại hộ 5-8 nhân khẩu chiếm ưu thế (61% tổng số hộ được điều tra), trong khi đó ở xã Cộng Hòa (Thái Bình) lại là loại hộ 3-4 nhân khẩu). Nhưng trong quan hệ lao động, người Thái Bình ở Thanh Luông Điện Biên lại thuê mướn nhiều hơn ở châu thổ (16% so với 6% số hộ được điều tra). Người ở châu thổ tự làm nhiều hơn người ở vùng núi (84% so 76%), đổi công hoặc tự làm kết hợp đổi công nhiều hơn (9% ở Cộng Hòa so 2% ở Thanh Luông).

Công việc được thuê mướn nhiều nhất ở cả hai nơi là cày bừa, chở phân, chở lúa, tuốt lúa. Các công việc gieo cấy, bón phân, làm cỏ và gặt lúa được tự làm là chính. Ở cả hai địa phương trong các công việc mà các hộ tự làm, loại hộ thuần nông nhiều hơn loại hộ nông nghiệp kiêm phi nông nghiệp, loại hộ đông nhân khẩu nhiều hơn hộ ít nhân khẩu. Việc sử dụng lao động ngoài tuổi (trên và dưới tuổi lao động) ở Cộng Hòa nhiều hơn ở Thanh Luông (12,4% so 2,58% số hộ được điều tra); Điều này có thể do lao động trong tuổi ở Cộng Hòa đi làm nghề xa quê nhiều khiến những người ở quê phải gánh vác thay. Tỷ lệ lao động nữ làm việc đồng áng ở Cộng Hòa cao hơn Thanh Luông (77% so 49%). Chị em là lực lượng chủ lực trong gieo cấy, làm cỏ, bón phân và gặt hái.

Những kết quả nghiên cứu so sánh nêu trên là những gợi mở lý thú cho nghiên cứu tác động của môi trường kinh tế tới tổ chức và phân công lao động ở mỗi địa phương.